ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/2026/QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024; Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 72/2025/TT-BXD và Thông tư số 24/2026/TT-BXD;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số .../TTr-SXD ngày ... tháng ... năm 2026.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định ban hành quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm … .

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy chế quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và theo dõi thi hành pháp luật);
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Sở Tư pháp;
- Công báo thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hải Phòng;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Lưu: VT, XD, ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số ……/2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc tổ chức, quản lý, khai thác vận tải hành khách bằng xe buýt và trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã có đăng ký kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt và được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật, tham gia hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước được Ủy ban nhân dân thành phố phân công quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và quản lý kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt.

3. Các doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động đầu tư, xây dựng, chuyển giao kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

4. Đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, tổng hợp, phân tích và lưu trữ dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô theo hợp đồng đã ký kết với doanh nghiệp vận tải (sau đây gọi tắt là đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình).

5. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe buýt.

6. Hành khách sử dụng dịch vụ xe buýt.

7. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bến xe buýt là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phục vụ việc đón, trả khách và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Bảng thông tin xe buýt là hệ thống cung cấp các thông tin về số hiệu tuyến, hành trình, điểm dừng, tần suất chạy xe, thời gian hoạt động, giá vé và các thông tin khác có liên quan, giúp hành khách thuận tiện trong việc tiếp cận và sử dụng dịch vụ xe buýt.

3. Tuyến xe buýt bao gồm tuyến xe buýt nội tỉnh, tuyến xe buýt liên tỉnh và tuyến xe buýt có sử dụng xe ô tô thoáng nóc chở khách du lịch.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT

Điều 4. Quy định về mở tuyến, điều chỉnh tuyến và đóng tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Quy định mở tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

a) Tuyến có trong danh mục mạng lưới tuyến đã được công bố theo quy định.

b) Điểm đầu, điểm cuối tuyến ổn định.

c) Bảo đảm kết nối khu vực tập trung đông người, có nhu cầu đi lại lớn.

2. Trình tự mở tuyến.

a) Căn cứ kế hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng, Sở Xây dựng công bố danh mục mạng lưới tuyến.

b) Căn cứ danh mục mạng lưới tuyến đã được công bố, Sở Xây dựng thực hiện đấu thầu, đặt hàng để lựa chọn đơn vị kinh doanh vận tải tham gia khai thác tuyến theo quy định.

c) Sau khi hoàn tất việc lựa chọn đơn vị kinh doanh vận tải, Sở Xây dựng công bố quyết định mở tuyến.

3. Tiêu chí đóng tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

a) Tuyến không còn phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển mạng lưới xe buýt tại thành phố.

b) Đơn vị kinh doanh vận tải đang khai thác tuyến không tiếp tục đảm nhận và không lựa chọn được đơn vị kinh doanh vận tải thay thế để đảm nhận hoạt động.

4. Trình tự đóng tuyến: Căn cứ tình hình khai thác thực tế và đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải, Sở Xây dựng rà soát, đánh giá sự cần thiết và quyết định đóng tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo trình tự, thủ tục quy định.

5. Điều chỉnh tuyến

Sở Xây dựng căn cứ tình hình khai thác, nhu cầu đi lại, tổ chức giao thông và điều kiện kết cấu hạ tầng để xem xét điều chỉnh hành trình, điểm đầu, điểm cuối,

điểm dừng, nhà chờ và các nội dung khác có liên quan của tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định.

Điều 5. Quản lý kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Nguyên tắc bố trí kết cấu hạ tầng xe buýt.

Việc bố trí điểm dừng, nhà chờ phải tuân thủ đầy đủ quy định tại Điều 18 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT và khoản 5 Điều 5 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP. Ngoài ra, căn cứ điều kiện thực tế và định hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, khuyến khích thực hiện các nội dung sau:

a) Ưu tiên bố trí điểm dừng, nhà chờ tại các khu vực có điều kiện thuận lợi về hạ tầng giao thông, khu vực đông dân cư, chung cư, bệnh viện, trường học và những nơi có nhu cầu đi lại lớn của hành khách, bảo đảm an toàn giao thông, dễ nhận diện, thân thiện và hiện đại. Vị trí điểm dừng, nhà chờ phải phù hợp với điều kiện thực tế của lòng đường, hè phố và khu vực xung quanh, bảo đảm an toàn giao thông, mỹ quan, dễ quan sát và có hành lang, vỉa hè, vạch kẻ đường cho người đi bộ tiếp cận với cự ly ngắn nhất.

b) Ưu tiên phát triển hạ tầng xe buýt tại các đầu mối giao thông vận tải quan trọng (nhà ga đường sắt, cảng hàng không, bến xe khách liên tỉnh, bến tàu…).

c) Khoảng cách giữa các điểm dừng, nhà chờ xe buýt là từ 300 - 700 mét ở nội thành và từ 800 - 3.000 mét ở ngoại thành. Đối với các bệnh viện, trường học và các khu vực có nhu cầu đi lại cao của hành khách có thể được tổ chức thành cụm điểm dừng. Khoảng cách giữa các điểm dừng trong cùng một cụm từ 15 mét đến 30 mét.

d) Tại các tuyến đường không có dải phân cách giữa, điểm dừng, nhà chờ không được đặt đối diện nhau và phải cách nhau tối thiểu 20 mét. Điểm dừng, nhà chờ xe buýt phải bố trí cách bờ mép giao lộ tối thiểu là 50 mét.

e) Việc bố trí điểm dừng, nhà chờ trên dải phân cách giữa và dải phân cách bên của các tuyến đường trục, quốc lộ phải bảo đảm chiều rộng tối thiểu từ 01 mét trở lên đối với biển báo và từ 1,5 mét trở lên đối với nhà chờ. Tại các vị trí này phải trang bị các hạng mục công trình phụ trợ liên quan, bảo đảm an toàn, thuận lợi cho hành khách sử dụng xe buýt như: có lối đi bộ kết nối, có gờ giảm tốc, đèn tín hiệu, biển báo, vạch đi bộ, chỗ đứng cho hành khách, lan can bảo vệ, tay vịn cho người khuyết tật và các hạng mục khác có liên quan.

g) Mỗi điểm dừng trên trục đường chỉ được bố trí tối đa cho 05 tuyến xe buýt sử dụng chung làm điểm dừng đón, trả khách.

h) Vỉa hè lắp đặt nhà chờ xe buýt phải đủ rộng để bố trí lối đi cho người đi bộ. Nhà chờ xe buýt phải được lắp đặt cách mép lề tối thiểu 1,5 mét, trừ trường hợp vỉa hè có khoét lề.

i) Vạch dừng xe buýt thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

k) Tại điểm đầu, điểm cuối tuyến, trong trường hợp có đủ diện tích và bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, được phép bố trí khu vệ sinh, khu nghỉ cho lái xe và nhân viên phục vụ trên xe buýt tại các vị trí phù hợp. Tại các điểm dừng, nhà chờ xe buýt, trong trường hợp có đủ diện tích, bảo đảm an toàn giao thông và vệ sinh môi trường, được phép bố trí nhà vệ sinh công cộng.

l) Nhà chờ xe buýt phải được trang bị đầy đủ các hạng mục theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT, bảo đảm thuận tiện, an toàn cho hành khách và phù hợp với điều kiện thực tế tại vị trí bố trí nhà chờ.

m) Tại các điểm trung chuyển, bến xe buýt, bãi đỗ xe buýt, bãi kỹ thuật có bố trí tuyến xe buýt hoạt động, cần bố trí diện tích mặt bằng phù hợp cho các khu vực: đón, trả khách; phòng chờ cho hành khách; khu vực làm việc của đơn vị quản lý; khu nghỉ cho lái xe và nhân viên phục vụ; khu vệ sinh; bãi đỗ xe buýt. Khuyến khích bố trí thêm các dịch vụ tiện ích như: khu vực giữ xe phục vụ hành khách, tủ đổi pin, trạm sạc điện hoặc cung cấp năng lượng, nơi rửa xe, xưởng bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện, nhà để xe và các tiện ích thương mại phục vụ hành khách đi xe buýt như cửa hàng, căn tin, nhà vệ sinh công cộng, trạm xe đạp công cộng.

2. Quy định về bảo trì kết cấu hạ tầng.

a) Công tác bảo trì nhằm duy trì tình trạng hoạt động bình thường của kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng trong suốt quá trình khai thác.

b) Nội dung bảo trì bao gồm: cập nhật, lưu trữ cơ sở dữ liệu; kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; điều chỉnh, sửa chữa, thay thế, bổ sung các hạng mục kết cấu hạ tầng theo quy định của Luật Đường bộ số 35/2024/QH15, Nghị định số 207/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; khoản 1 Điều này và các quy định pháp luật có liên quan.

c) Việc bảo trì thực hiện theo quy trình được lập và phê duyệt theo quy định tại Luật Xây dựng, các nghị định và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Di dời điểm dừng, nhà chờ xe buýt.

Việc di dời điểm dừng, nhà chờ xe buýt được thực hiện trong trường hợp để cải thiện chất lượng dịch vụ, do có sự thay đổi về tổ chức giao thông, do tổ chức lại mạng lưới xe buýt, điều chỉnh lộ trình tuyến xe buýt hoặc khi có kiến nghị hợp lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

4. Quảng cáo tại kết cấu hạ tầng phục vụ xe buýt.

Việc quảng cáo và tổ chức quảng cáo trên các điểm dừng, nhà chờ, điểm đầu cuối, điểm trung chuyển được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 6. Phương tiện vận chuyển

1. Yêu cầu đối với xe buýt.

a) Xe buýt hoạt động trên tuyến phải bảo đảm tiêu chuẩn theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô khách thành phố, đáp ứng các quy định tại Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông

đường bộ và các nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan;

b) Trên xe phải dành tối thiểu 02 ghế cho người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ mang thai và trẻ em dưới 6 tuổi, trên đó có ghi chữ "ghế ưu tiên" hoặc biểu trưng;

c) Được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

d) Sức chứa và niên hạn sử dụng của xe buýt thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 158/2024/NĐ-CP);

đ) Màu sơn của xe buýt theo quy định của Sở Xây dựng (áp dụng chung màu sơn đối với từng loại phương tiện sử dụng: xe buýt điện, xe buýt sử dụng năng lượng xanh, xe buýt diesel);

e) Phải được kiểm tra bảo đảm an toàn kỹ thuật hằng ngày và được vệ sinh sạch sẽ trước khi đưa xe ra vận hành trên tuyến;

g) Được phép lắp đặt các thiết bị khác phục vụ công tác quản lý, điều hành và các dịch vụ tiện ích phục vụ hành khách.

2. Niêm yết thông tin trên xe buýt.

Việc niêm yết thông tin trên xe buýt thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT và niêm yết nội quy, trách nhiệm của người lái xe, nhân viên phục vụ và hành khách.

3. Quảng cáo trên xe buýt.

Việc quảng cáo trên xe buýt (bên trong, bên ngoài xe buýt) thực hiện theo Luật Quảng cáo, phương án quảng cáo và các quy định có liên quan.

Điều 7. Tổ chức giao thông, ưu tiên luồng tuyến xe buýt

1. Xe buýt được ưu tiên hoạt động khi tổ chức giao thông tại đô thị, ưu tiên cho xe buýt được lưu thông ở làn đường sát vỉa hè, được lưu thông hỗn hợp với xe gắn máy.

2. Tổ chức làn đường ưu tiên hoặc làn đường dành riêng cho xe buýt, xe phi cơ giới trên một số đoạn, tuyến đường bảo đảm yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật.

Điều 8. Thời gian hoạt động xe buýt

1. Thời gian xe buýt phục vụ trong ngày của từng tuyến được quy định trong biểu đồ chạy xe, Sở Xây dựng quyết định cụ thể thời gian hoạt động của các tuyến xe buýt.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia khai thác tuyến xe buýt phải thực hiện theo biểu đồ chạy xe để bố trí đúng loại xe chạy; xe buýt phải chạy đúng giờ, dừng đúng điểm dừng, nhà chờ theo biểu đồ chạy xe đã công bố.

Điều 9. Vé xe buýt

1. Có 3 loại vé: vé lượt, vé chặng và vé tháng.

2. Vé lượt, vé chặng là chứng từ để khách sử dụng đi một lượt hoặc một chặng trên một tuyến xe buýt. Vé tháng là chứng từ để khách sử dụng đi lại thường xuyên trong một thời gian một tháng hoặc dài hơn, trên một hoặc nhiều tuyến xe buýt.

3. Vé xe buýt do các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt tự in ấn, quản lý và phát hành theo quy định chung về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

4. Giá vé trên các tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước do Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo quy định.

5. Giá vé trên các tuyến xe buýt không được hỗ trợ kinh phí do đơn vị kinh doanh vận tải quyết định và thực hiện kê khai theo quy định.

6. Thẻ ưu tiên được sử dụng để đi lại miễn phí hoặc mua vé giảm giá trên các tuyến xe buýt. Thẻ ưu tiên do Trung tâm Quản lý, bảo trì các công trình cấp cho các đối tượng được ưu tiên theo quy định về miễn, giảm giá vé xe buýt của Ủy ban nhân dân thành phố.

7. Khuyến khích áp dụng thẻ vé thông minh, vé điện tử và các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, từng bước thay thế vé giấy.

Điều 10. Trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Kinh phí được bố trí từ ngân sách nhà nước nhằm bảo đảm giá vé phù hợp, khuyến khích người dân sử dụng xe buýt.

2. Tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí sẽ được tổ chức lựa chọn đơn vị kinh doanh vận tải thông qua hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng theo quy định.

3. Hằng năm, căn cứ số lượng tuyến xe buýt được ngân sách nhà nước hỗ trợ đang hoạt động và kế hoạch mở mới đã được phê duyệt (nếu có), Sở Xây dựng rà soát, tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố. Trình tự thực hiện như sau:

a) Trước ngày 30 tháng 8 hằng năm, Sở Xây dựng rà soát tình hình hoạt động, nhu cầu vận tải, danh mục tuyến xe buýt và nhu cầu kinh phí hỗ trợ năm sau, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận.

b) Trước ngày 30 tháng 10 hằng năm, căn cứ kế hoạch được chấp thuận, Sở Xây dựng hoàn thiện dự toán kinh phí, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức đặt hàng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định. Việc điều chỉnh phương án vận hành phải phù hợp với nhu cầu thực tế, thẩm quyền và kinh phí được giao.

Điều 11. Quy định tiêu chí, phương thức đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

1. Đối với các tuyến có trợ giá của nhà nước

a) Lựa chọn phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng dịch vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đối với các tuyến được trợ giá

- Tiêu chí lựa chọn tuyến xe buýt thực hiện theo phương thức đấu thầu

Tuyến xe buýt được xem xét thực hiện theo phương thức đấu thầu khi cần tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ trên cơ sở cạnh tranh theo quy định của pháp luật. Ưu tiên xem xét phương thức đấu thầu đối với tuyến mở mới, tuyến điều chỉnh hoặc tổ chức lại có yêu cầu lựa chọn đơn vị khai thác; tuyến có nhu cầu đầu tư mới hoặc thay thế phương tiện, đầu tư công nghệ, nâng cao chất lượng dịch vụ; tuyến có khả năng thu hút nhiều đơn vị tham gia cung cấp dịch vụ hoặc cần so sánh các phương án tổ chức khai thác, chi phí và hiệu quả thực hiện.

- Tiêu chí lựa chọn tuyến xe buýt thực hiện theo phương thức đặt hàng

Tuyến xe buýt được xem xét thực hiện theo phương thức đặt hàng khi đáp ứng đầy đủ điều kiện đặt hàng theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan. Việc xem xét đặt hàng có thể ưu tiên đối với các tuyến đang khai thác ổn định, có nhu cầu vận tải thường xuyên, liên tục; khối lượng, chất lượng dịch vụ và các yêu cầu khai thác có thể xác định cụ thể; đơn vị cung cấp dịch vụ có đủ năng lực, phương tiện và điều kiện để thực hiện. Việc lựa chọn phương thức đặt hàng cần căn cứ vào điều kiện thực tế, yêu cầu cung cấp dịch vụ và khả năng đáp ứng của đơn vị cung cấp dịch vụ, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật.

+ Tuyến xe buýt mở mới có hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước nhằm phục vụ cho mục đích chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng, loại phương tiện mới chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt.

+ Tuyến xe buýt do các đơn vị kinh doanh vận tải không tiếp tục đảm nhận hoạt động, trong thời gian tổ chức lựa chọn đơn vị đảm nhận mới, Sở Xây dựng quyết định phương thức đặt hàng để đảm bảo hoạt động ổn định của tuyến phục vụ người dân.

b) Quy định về đấu thầu, đặt hàng

Việc lựa chọn đơn vị kinh doanh vận tải khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được thực hiện theo hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan.

Về thời gian thực hiện hợp đồng, gia hạn hợp đồng đấu thầu, đặt hàng:

- Đối với các tuyến xe buýt tổ chức theo hình thức đấu thầu: Thời gian thực hiện hợp đồng **đảm nhận tuyến tối đa là 10 năm**, được phân chia chi tiết theo từng năm làm cơ sở bố trí kinh phí, thanh toán và quyết toán theo niên độ ngân sách.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Sở Xây dựng tổ chức theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả cung ứng dịch vụ của đơn vị kinh doanh vận tải theo các tiêu chí về chất lượng dịch vụ, sản lượng thực hiện, an toàn giao thông, việc chấp hành phương án khai thác, tiêu chuẩn phương tiện, nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo hồ sơ mời thầu và hợp đồng đã ký. Trường hợp đơn vị thực hiện không đáp ứng yêu cầu hoặc vi phạm hợp đồng thì việc xử lý, điều chỉnh, tạm dừng hoặc

chấm dứt hợp đồng được thực hiện theo hồ sơ mời thầu, hợp đồng đã ký và quy định của pháp luật. Trường hợp đơn vị thực hiện đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo hợp đồng thì tiếp tục thực hiện hợp đồng trong thời gian còn lại theo thời hạn đã được xác định trong hợp đồng.

- Đối với các tuyến xe buýt tổ chức theo hình thức đặt hàng: Thời gian thực hiện đặt hàng **tối đa 12 tháng** và phù hợp với niên độ ngân sách.

2. Quy định về đặt hàng khai thác tuyến xe buýt

Đơn vị vận tải căn cứ danh mục mạng lưới tuyến đã công bố, nhu cầu tổ chức khai thác và năng lực hiện có và điều kiện thực tế lập "Hồ sơ đề xuất khai thác tuyến" gồm các nội dung: năng lực phương tiện, người lái xe, nhân viên phục vụ, phương án tổ chức khai thác, biểu đồ chạy xe, phương án bảo đảm an toàn giao thông và các nội dung khác theo quy định gửi Sở Xây dựng.

Sở xây dựng kiểm tra, đánh giá, lựa chọn đơn vị khai thác. Trường hợp có nhiều đơn vị cùng đề nghị khai thác một tuyến, việc xem xét lựa chọn phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, căn cứ vào khả năng đáp ứng điều kiện khai thác, phương án tổ chức vận tải, chất lượng dịch vụ, phương tiện, biểu đồ chạy xe và các tiêu chí được công bố.

Đơn vị được đặt hàng khai thác chỉ được tổ chức hoạt động khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định và thực hiện đúng nội dung được chấp thuận. Sở Xây dựng tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện lộ trình, biểu đồ chạy xe, phương tiện, điểm dừng, giá vé, chất lượng dịch vụ và các nghĩa vụ liên quan; tiếp nhận, xử lý hoặc tham mưu xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

Việc điều chỉnh nội dung khai thác, thay đổi phương án tổ chức vận tải, chấm dứt khai thác hoặc xem xét lựa chọn đơn vị thay thế được thực hiện khi có thay đổi về nhu cầu vận tải, mạng lưới tuyến, điều kiện tổ chức giao thông, đơn vị không còn đáp ứng điều kiện khai thác hoặc có vi phạm theo quy định.

Điều 12. Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

Sở Xây dựng có trách nhiệm ban hành Quyết định, quy định kiểm tra, giám sát, nghiệm thu hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên ngành giao thông vận tải thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng để tiến hành kiểm tra chuyên đề việc chấp hành các quy định của pháp luật về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn thành phố.

Điều 13. Tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt

1. Tạm ứng kinh phí trợ giá xe buýt

a) Việc tạm ứng được thực hiện theo giá trị hợp đồng năm và được quy định cụ thể trong hợp đồng;

b) Mức tạm ứng hợp đồng tối đa không vượt quá 30% giá trị hợp đồng năm (không bao gồm dự phòng phí);

c) Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán, mức thu hồi của

từng lần do hai bên thống nhất ghi trong hợp đồng nhưng phải bảo đảm tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị thanh toán (bao gồm tạm ứng hợp đồng, thanh toán khối lượng hoàn thành) lũy kế đạt 80% giá hợp đồng đã ký kết.

2. Thanh toán: Việc thanh toán tạm ứng bắt đầu ngay từ lần thanh toán khối lượng hoàn thành đầu tiên của hợp đồng, mức thanh toán từng lần do hai bên thống nhất và quy định cụ thể trong Hợp đồng.

3. Quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt

a) Việc quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt hàng năm được thực hiện theo Điều 25 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Đối với các gói thầu có thời gian thực hiện trên một năm: thực hiện quyết toán theo niên độ ngân sách năm, riêng năm cuối cùng thực hiện quyết toán năm và tổng hợp kinh phí gói thầu theo thời gian thực hiện.

Chương III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT, HÀNH KHÁCH ĐI XE BUÝT

Điều 14. Quyền hạn, nghĩa vụ của các đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe buýt

1. Quyền hạn của các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt:

a) Được tham gia các hình thức lựa chọn cung ứng dịch vụ vận tải công cộng bằng xe buýt khi đáp ứng đủ điều kiện.

b) Được hưởng các quyền lợi trong chính sách ưu đãi chung của thành phố đối với hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt khi tham gia khai thác tuyến xe buýt, đồng thời phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định; tham gia góp ý, xây dựng và đề xuất các cơ chế, chính sách về hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

c) Được bảo đảm các điều kiện hoạt động trên tuyến như kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và các thông tin trên các hệ thống kết cấu này.

d) Được đề xuất điều chỉnh tuyến, chỉ tiêu khai thác, biểu đồ chạy xe và các nội dung khác liên quan đến tổ chức hoạt động vận tải.

đ) Được từ chối vận chuyển đối với hành khách cố tình vi phạm nội quy đi xe buýt theo quy định của pháp luật.

e) Được kiến nghị, khiếu nại các quyết định xử lý vi phạm hợp đồng cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt khi chứng minh được hành vi vi phạm do nguyên nhân khách quan như ùn tắc giao thông, điều chỉnh giao thông, ngập đường, mưa, bão, tai nạn, hư hỏng đột xuất.

2. Trách nhiệm của các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt:

Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải chấp hành và duy trì đầy đủ các điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo Luật Đường bộ số 35/2024/QH15, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15, Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ, Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan; đồng thời thực hiện các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện Đăng ký mẫu thẻ tên và đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe theo quy định.

b) Tổ chức nghiệm thu nội bộ hàng tháng trong việc thực hiện khối lượng theo hợp đồng cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (số chuyến, khối lượng thực hiện).

c) Thanh toán, cấp phát các khoản tiền hỗ trợ hoạt động theo đúng đối tượng và thời gian quy định tại đơn vị và giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan theo quy định.

d) Quản lý và sử dụng đúng quy định của Nhà nước về kinh phí hỗ trợ hoạt động, phối hợp quyết toán kinh phí hỗ trợ hoạt động theo đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo quyết toán.

đ) Phát hiện và thông báo kịp thời về tình trạng hư hỏng, chiếm dụng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên tuyến, về tình hình an ninh trật tự trên tuyến.

e) Tiếp nhận, giải quyết các phản ánh, góp ý của hành khách và người dân.

g) Tổ chức đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải theo Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ do Sở Xây dựng ban hành trên từng tuyến xe buýt do đơn vị đảm nhận khai thác.

h) Ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý điều hành và cung cấp dữ liệu về hoạt động vận tải theo quy định của pháp luật.

i) Thực hiện báo cáo đúng quy định.

k) Lắp đặt, quản lý, khai thác thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh lái xe, camera, thiết bị bán vé và các thiết bị khác gắn trên xe theo quy định. Duy trì hoạt động của các thiết bị, lưu trữ, cung cấp và truyền dữ liệu trực tiếp về Hệ thống kiểm soát giao thông công cộng của Sở Xây dựng phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát và quản lý hoạt động xe buýt theo quy định.

l) Đầu tư phương tiện bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận theo quy định; thực hiện việc rà soát, thống kê, đánh giá thực trạng xe buýt chưa bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận; xây dựng kế hoạch trang bị, cải tạo phương tiện giao thông công cộng bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận thuộc trách nhiệm quản lý của đơn vị kinh doanh vận tải.

m) Phổ biến, hướng dẫn và thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt thực hiện đúng nội quy khai thác tuyến xe buýt.

n) Không bố trí người lái xe, nhân viên phục vụ chưa được đào tạo, chưa có giấy phép hoặc chứng chỉ theo yêu cầu, không bảo đảm sức khỏe theo quy định thực hiện nhiệm vụ; tổ chức đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho người lái xe và nhân viên phục vụ.

o) Xây dựng kế hoạch bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải của đơn vị; tổ chức kiểm tra, giám sát, thống kê và đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

p) Bố trí đủ số lượng, chủng loại phương tiện theo yêu cầu khai thác; thực hiện đúng biểu đồ chạy xe, thời gian hoạt động, hành trình và đón, trả khách tại các điểm dừng theo quy định.

q) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong tổ chức, điều hành hoạt động xe buýt và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác.

r) Xây dựng quy định nội bộ về đồng phục và thẻ tên cho người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe, thẻ nhận dạng người lái xe; thẻ tên phải có ảnh, ghi rõ họ tên, đơn vị quản lý; thẻ tên có thể kết hợp với thẻ nhận dạng người lái xe.

s) Được sử dụng thiết bị điện tử để niêm yết thông tin theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 7 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT.

t) Ký hợp đồng lao động, đóng các loại bảo hiểm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ và thực hiện đầy đủ quyền lợi của người lao động, bao gồm lái xe và nhân viên phục vụ trên xe, theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý và sử dụng Lệnh vận chuyển.

a) Lệnh vận chuyển phải được đơn vị kinh doanh vận tải xác nhận bằng hình thức đóng dấu đối với Lệnh vận chuyển bằng giấy hoặc ký số đối với Lệnh vận chuyển điện tử. Mỗi chuyến xe phải được nhân viên điều hành xác nhận theo hình thức thủ công hoặc thông qua ứng dụng công nghệ, bảo đảm xác định được thời điểm xác nhận và thông tin của chuyến xe.

b) Đơn vị kinh doanh vận tải phải nộp bản gốc Lệnh vận chuyển (hình thức giấy) hoặc truyền dữ liệu Lệnh vận chuyển (hình thức điện tử) về Sở Xây dựng (qua Trung tâm Quản lý, bảo trì các công trình) để phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, đối chiếu sản lượng và nghiệm thu dịch vụ.

c) Đơn vị kinh doanh vận tải có trách nhiệm lưu trữ Lệnh vận chuyển của các chuyến xe đã thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ, cụ thể:

Đối với các chuyến xe không được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước: Thời hạn lưu trữ tối thiểu là 03 năm.

Đối với các chuyến xe được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước:

Thời hạn lưu trữ thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 41 Luật Kế toán năm 2015.

4. Về công tác bảo đảm an toàn giao thông:

a) Tổ chức đón, trả hành khách đúng vị trí quy định; hướng dẫn hành khách sử dụng các trang thiết bị an toàn trên xe; duy trì vệ sinh trong phương tiện, bảo đảm an toàn và điều kiện phục vụ hành khách trong suốt hành trình.

b) Không vận chuyển hành khách trên nóc xe, trong khoang chở hành lý hoặc để hành khách đu, bám bên ngoài phương tiện; thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cho hành khách trong quá trình vận chuyển.

c) Không chở quá số người được phép chở, không chở hành lý, hàng hóa vượt quá khối lượng cho phép và không thực hiện các hành vi khác vi phạm quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

d) Không vận chuyển hàng hóa trong khoang chở hành khách; việc bố trí, vận chuyển hành lý và hàng hóa trên xe phải tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm an toàn cho hành khách và hoạt động của phương tiện.

Điều 15. Quyền hạn, trách nhiệm của hành khách đi xe buýt

Hành khách đi xe buýt ngoài các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định tại điều 60, Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; khoản 3, điều 23 và điều 24, Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT còn có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

1. Được miễn, giảm giá vé xe buýt nếu thuộc đối tượng được ưu tiên theo quy định.

2. Được mang theo hành lý với trọng lượng không quá 10 kg và kích thước không quá 30x40x60 cm.

3. Khiếu nại, kiến nghị, phản ánh những hành vi vi phạm quy định về quản lý vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải, người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có).

4. Góp ý về những ưu, khuyết điểm trong quá trình sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt qua các kênh thông tin.

5. Trách nhiệm

a) Mua vé, giữ vé suốt hành trình và xuất trình vé khi có yêu cầu kiểm soát; không sử dụng các loại vé không hợp pháp; khi làm mất vé phải có trách nhiệm mua lại vé khác. Trường hợp sử dụng vé điện tử phải có trách nhiệm cung cấp thông tin cần thiết phục vụ tra cứu vé đã mua.

b) Chấp hành nội quy xe buýt, hướng dẫn của lái xe, nhân viên phục vụ; đảm bảo an toàn trật tự trên xe; giúp đỡ và nhường ghế ngồi trên xe buýt cho hành khách là người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai hoặc có con nhỏ đi cùng.

c) Giữ vệ sinh trên xe buýt và tại các điểm dừng, đỗ, nhà chờ xe buýt; không mang theo hàng hóa bị cấm vận chuyển, hàng tanh hôi, có nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh, súc vật, chất dễ cháy nổ.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT

Điều 16. Sở Xây dựng.

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm đề xuất, xây dựng và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Ban hành hoặc quyết định theo thẩm quyền: Danh mục các tuyến buýt mở mới; Danh mục mạng lưới tuyến xe buýt; Chính sách hỗ trợ của Thành phố về khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố; Chủ trương đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng và quyết định đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách (hoặc các nguồn vốn khác) để xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định của pháp luật; Định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố; Giá vé và các chính sách liên quan đến giá vé cho hoạt động xe buýt; Cơ chế đặt hàng, đấu thầu và các cơ chế, chính sách khác phục vụ phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

b) Phê duyệt nhu cầu, dự toán kinh phí trợ giá hàng năm và các dự toán điều chỉnh (làm tăng tổng dự toán được duyệt) đối với các tuyến xe buýt được trợ giá.

2. Sở Xây dựng có thẩm quyền:

a) Đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; đặt hàng khai thác đối với các tuyến xã hội hóa.

b) Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung và công bố danh mục mạng lưới tuyến. Quyết định, công bố mở tuyến xe buýt mới trong danh mục mạng lưới tuyến; Điều chỉnh hoạt động tuyến xe buýt, bao gồm: tên tuyến, hành trình tuyến, điểm đầu, điểm cuối tuyến, số chuyến hoạt động, chủng loại phương tiện, ngừng khai thác hoặc đóng tuyến xe buýt.

c) Công bố tổ chức giao thông ưu tiên cho xe buýt, làn dành riêng cho xe buýt tại các tuyến đường cụ thể.

d) Quyết định vị trí điểm dừng, nhà chờ, phê duyệt danh sách và công bố đưa vào khai thác các điểm dừng, nhà chờ xe buýt.

đ) Phê duyệt, công bố mẫu thiết kế trụ, biển báo, nhà chờ xe buýt áp dụng thống nhất trên từng khu vực, từng tuyến đường.

e) Ban hành nội quy khai thác tuyến xe buýt; bộ tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ xe buýt.

g) Chỉ đạo xây dựng, quản lý, phát triển và điều hành hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng và kinh phí trợ giá theo quy định.

h) Hướng dẫn triển khai, sử dụng vé điện tử.

i) Thẩm định dự toán kinh phí đối với các tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước theo quy định.

k) Tổ chức lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt các công trình, dự án đầu tư mới, duy tu, bảo trì kết cấu hạ tầng, dự toán chi phí thuê tư vấn lập hồ sơ đấu thầu, kinh phí cho các dịch vụ hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng theo thẩm quyền được quy định.

l) Quyết định thu hồi đăng ký khai thác tuyến xe buýt của đơn vị kinh doanh vận tải có hành vi vi phạm quy định hoặc không đáp ứng về điều kiện hoạt động; Chỉ định đơn vị kinh doanh vận tải có năng lực tiếp tục đảm nhận khai thác tuyến trong thời gian tổ chức lựa chọn đơn vị để thay thế đảm bảo phục vụ hành khách liên tục.

m) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; phê duyệt kế hoạch kiểm tra, tổ chức kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm;

n) Chỉ đạo Trung tâm Quản lý bảo trì các công trình tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, phân cấp hoặc ủy quyền trong quản lý, điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời xử lý, báo cáo Sở Xây dựng về kết quả hoạt động theo tháng/quý/năm và các vấn đề phát sinh theo quy định của pháp luật.

3. Công tác phối hợp:

a) Phối hợp Sở Tài chính trình, thẩm định kinh phí phục vụ các hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; Quyết định giao dự toán chi ngân sách nhà nước về hỗ trợ kinh phí hoạt động xe buýt.

b) Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc quyết định công bố mở mới, ngừng khai thác hoặc đóng tuyến; điều chỉnh thông số hoạt động (tên tuyến, hành trình, điểm đầu, điểm cuối, số chuyến hoạt động, chủng loại phương tiện) trên tuyến các tuyến xe buýt liên tỉnh, tuyến xe buýt kết nối với Cảng hàng không, nhà ga đường sắt.

c) Thống nhất với các Sở Xây dựng có liên quan trong việc công bố mở, điều chỉnh, dừng hoạt động đối với các tuyến xe buýt liên tỉnh;

Điều 17. Sở Tài chính

Sở Tài chính là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt. Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, Sở Tài chính có trách nhiệm:

1. Phối hợp với Sở Xây dựng công bố, điều chỉnh mức chênh lệch chi phí nhiên liệu, năng lượng, nhân công trong đơn giá chi phí vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố sử dụng các nguồn vốn nhằm phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định.

3. Tham gia ý kiến về khả năng cân đối ngân sách đối với phương án đặt hàng, phương án đặt hàng điều chỉnh, dự toán hình thành giá gói thầu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố;

4. Tham gia ý kiến đối với định mức, đơn giá dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố;

5. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí kinh phí trợ giá xe buýt theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

1. Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc đầu tư xây dựng mới, điều chỉnh, duy tu, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông công cộng bằng xe buýt trên địa bàn; Đảm bảo xe buýt có thể tiếp cận và thực hiện chức năng đón, trả khách an toàn.

2. Phối hợp rà soát, bố trí quỹ đất cho giao thông tĩnh (bến xe, bãi đỗ xe buýt), công bố theo quy hoạch được duyệt; Khi phê duyệt quy hoạch khu dân cư, khu đô thị, phải xác định và bố trí quỹ đất dành cho điểm đầu, điểm cuối, điểm trung chuyển xe buýt, phù hợp chỉ tiêu diện tích bãi đỗ xe toàn đô thị theo quy chuẩn xây dựng.

3. Khi đầu tư xây dựng, nâng cấp các tuyến đường, phối hợp xác định vị trí điểm dừng, nhà chờ xe buýt phù hợp với mạng lưới tuyến hiện tại và tương lai; Đảm bảo các điểm dừng, nhà chờ được thiết kế an toàn, thuận tiện và có khả năng tiếp cận cho người khuyết tật.

4. Chủ trì xử lý các hành vi vi phạm như chiếm dụng, làm hư hại kết cấu hạ tầng xe buýt theo thẩm quyền và quy định hiện hành; Phối hợp xử lý hành khách, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm nội quy, các quy định về xe buýt nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trên xe buýt; Phối hợp với các đơn vị có liên quan giữ gìn vệ sinh môi trường tại các điểm dừng, nhà chờ, bến xe trên địa bàn.

5. Phối hợp tuyên truyền vận động người dân sử dụng xe buýt; Phối hợp khảo sát nhu cầu và đề xuất điều chỉnh mạng lưới tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo tình hình thực tế tại địa phương.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn, áp dụng trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Sở Xây dựng chủ trì, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao; phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện.

3. Đơn vị kinh doanh vận tải, người lái xe, nhân viên phục vụ, hành khách và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, bất cập hoặc nội dung cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, xem xét, hướng dẫn hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.